

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG
CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 12 - 38 |
| 8. Phụ lục | 39 - 42 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1269/QĐ-CT.UB ngày 21 tháng 4 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xi măng Cần Thơ trực thuộc Công ty Sản xuất Kinh doanh Vật liệu xây dựng Cần Thơ thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800553319 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 26 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 385 9899
- Fax : (0292) 383 2297

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa: bằng sà lan, ghe; bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Thái Minh Thuyết | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Nguyễn Thị Út Em | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Thái Hoàng Tước | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Thái Châu | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Trần Minh Quang | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thái Thanh Phong | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Lê Thị Bích Thủy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Trần Thị Hoa Tranh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Tống Duy Can | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Thái Hoàng Tước | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024 |
| Ông Trần Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2011 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Thái Minh Thuyết – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Thái Minh Thuyết
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Số: 4.0147/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Ngự

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thùy Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3592-2021-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------|-------------|------------------|------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 387.206.693.749 | 342.607.906.397 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 57.694.501.989 | 39.549.944.623 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 57.694.501.989 | 39.549.944.623 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 20.001.650.000 | 1.650.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 1.650.000 | 1.650.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 20.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 213.874.445.122 | 197.512.063.612 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 159.903.759.533 | 154.144.972.467 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 51.809.156.686 | 39.295.775.451 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 14.007.639.860 | 15.909.914.852 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (11.846.110.957) | (11.838.599.158) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 84.147.303.487 | 86.881.532.940 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 84.147.303.487 | 86.881.532.940 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 11.488.793.151 | 18.662.715.222 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 11.358.310.138 | 18.584.086.729 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 130.483.013 | 24.488.697 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | - | 54.139.796 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 374.757.828.155 | 427.877.304.640 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 6.050.000.000 | 6.050.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 6.050.000.000 | 6.050.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 283.256.984.995 | 310.462.459.625 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 255.396.988.620 | 281.743.117.354 |
| - Nguyên giá | 222 | | 563.054.148.475 | 552.101.950.633 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (307.657.159.855) | (270.358.833.279) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 27.859.996.375 | 28.719.342.271 |
| - Nguyên giá | 228 | | 38.293.730.405 | 38.293.730.405 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.433.734.030) | (9.574.388.134) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 16.489.180.572 | 17.353.502.916 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 16.489.180.572 | 17.353.502.916 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 62.770.000.000 | 82.770.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 5.347.894.510 | 5.347.894.510 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2d | 2.178.246.800 | 2.178.246.800 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2d | (7.526.141.310) | (7.526.141.310) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | 62.770.000.000 | 82.770.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.191.662.588 | 11.241.342.099 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 6.191.662.588 | 6.334.284.672 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | - | 4.907.057.427 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 761.964.521.904 | 770.485.211.037 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 250.902.994.088 | 297.173.332.158 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 88.902.994.088 | 138.061.268.195 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13a | 11.602.530.269 | 21.507.444.597 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 4.606.556.186 | 4.012.908.126 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 4.054.308.444 | 2.902.181.229 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 9.865.736.157 | 6.022.369.098 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 401.594.135 | 1.075.672.580 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 918.118.800 | 953.512.739 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 56.128.970.904 | 97.142.919.375 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 1.325.179.193 | 4.444.260.451 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 162.000.000.000 | 159.112.063.963 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 162.000.000.000 | 159.112.063.963 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

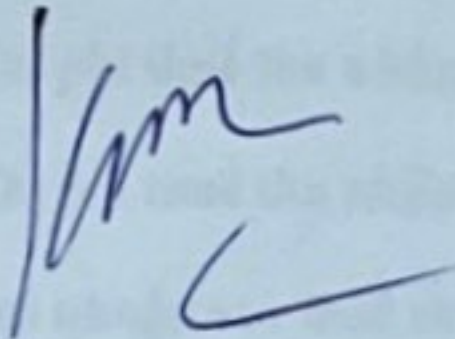
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 511.061.527.816 | 473.311.878.879 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 511.061.527.816 | 473.311.878.879 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21a | 61.999.000.000 | 61.999.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 61.999.000.000 | 61.999.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21a | 33.450.000.000 | 33.450.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.21a | 571.183.239 | 571.183.239 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.21a | (40.000) | (40.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21a | 11.216.659.272 | 11.216.659.272 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21a | 403.824.725.305 | 365.563.714.537 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 349.848.152.489 | 365.563.714.537 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 53.976.572.816 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.21a | - | 511.361.831 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 761.964.521.904 | 770.485.211.037 |

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025


Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập


Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

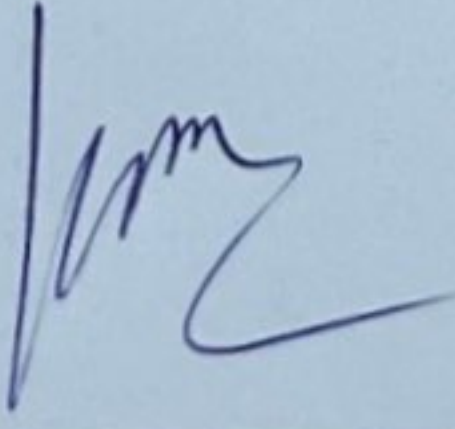
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.032.511.856.701 | 1.112.393.697.365 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 52.512.658.851 | 38.859.418.951 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 979.999.197.850 | 1.073.534.278.414 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 863.733.916.156 | 942.421.341.665 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 116.265.281.694 | 131.112.936.749 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 6.890.583.684 | 3.772.466.777 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 10.084.220.236 | 16.529.464.727 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 12.816.134.742 | 16.529.464.727 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 30.786.268.946 | 28.204.947.341 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 13.175.011.129 | 13.428.902.778 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 69.110.365.067 | 76.722.088.680 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 158.982.777 | 451.413.654 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.546.736.138 | 3.975.130.141 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (3.387.753.361) | (3.523.716.487) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 65.722.611.706 | 73.198.372.193 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 6.972.058.113 | 6.621.373.954 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.10 | 4.907.057.427 | (23.403.369) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 53.843.496.166 | 66.600.401.608 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 53.976.572.816 | 67.559.651.661 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (133.076.650) | (959.250.053) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11a | 8.706 | 10.897 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11a | 8.706 | 10.897 |


Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 1.054.376.502.488 | 1.157.351.038.448 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (874.090.117.110) | (987.248.706.098) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (70.571.601.034) | (72.448.084.549) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | V.17, VI.5 | (12.832.947.334) | (16.902.943.703) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | V.15 | (6.416.898.559) | (7.457.191.041) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 11.003.414.016 | 16.377.922.355 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (19.445.804.232) | (16.983.978.101) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 82.022.548.235 | 72.688.057.311 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.11 | (24.525.925.251) | (22.257.313.971) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 277.441.078 | 1.271.363.637 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (30.000.000.000) | (72.300.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 30.000.000.000 | 30.300.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 4.266.000.000 | 18.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 7.378.727.397 | 1.704.099.305 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (12.603.756.776) | (43.281.851.029) |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

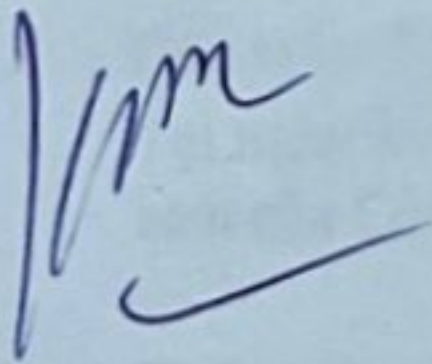
Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19a,b | 750.108.965.748 | 728.286.461.985 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19a,b | (788.234.978.182) | (726.479.018.993) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.18, V.21d | (12.399.782.500) | (12.399.782.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (50.525.794.934) | (10.592.339.508) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 18.892.996.525 | 18.813.866.774 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 38.801.505.464 | 20.736.077.849 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 57.694.501.989 | 39.549.944.623 |

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập



Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa: bằng sà lan, ghe; bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 Tập đoàn đã thu hồi toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên.

5b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A - giai đoạn 3, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất xi măng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

5c. Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Lý do |
|--|---|--|-------------------|------------------------|--|
| Công ty Liên doanh Acavi Group Co.,Ltd | Huyện Chambamom, TP. Phnompenh, Campuchia | Khai thác cát, kinh doanh bất động sản, đầu tư hạ tầng khu dân cư, xây dựng dân dụng và công nghiệp, sản xuất kinh doanh đất mỏ Laterite | 33% | 33% | Do Công ty này đang tiến hành thủ tục giải thể |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 425 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 404 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá trị xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 25 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao phương pháp đường thẳng theo thời gian ghi trên quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt | 2.046.085.413 | 392.931.266 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 55.648.416.576 | 39.157.013.357 |
| Cộng | 57.694.501.989 | 39.549.944.623 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|----------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Cổ phiếu | | | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 1.650.000 | 935.000 | 1.650.000 | 2.475.000 |
| Cộng | 1.650.000 | 935.000 | 1.650.000 | 2.475.000 |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc 18 tháng đến hạn thu hồi dưới 12 tháng với lãi suất 6,6%/năm | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | - | - |
| Dài hạn | 62.770.000.000 | 62.770.000.000 | 82.770.000.000 | 82.770.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng và 60 tháng với lãi suất 4,9%/năm - 5,7%/năm | 2.770.000.000 | 2.770.000.000 | 2.770.000.000 | 2.770.000.000 |
| Trái phiếu (*) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Cộng | 82.770.000.000 | 82.770.000.000 | 82.770.000.000 | 82.770.000.000 |

(*) Trái phiếu có kỳ hạn 84 tháng với lãi suất tại ngày kết thúc năm tài chính là 7,475%/năm tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Cần Thơ).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Vốn góp | 5.347.894.510 | 5.347.894.510 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | - | - |
| Cộng | 5.347.894.510 | 5.347.894.510 |

Công ty Liên doanh Acavi Group Co.,Ltd được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ và Công ty Omsaura Co.,Ltd (Campuchia) với lĩnh vực kinh doanh: khai thác cát, kinh doanh bất động sản, đầu tư hạ tầng khu dân cư, xây dựng dân dụng và công nghiệp, sản xuất kinh doanh đất mỏ Laterite. Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu theo Giấy phép là 33% và Công ty cũng đã thực góp 5.347.894.510 VND tương đương 33% tổng cổ phần.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---------------|---------------|
| Số đầu năm | 5.347.894.510 | 5.347.894.510 |
| Số cuối năm | 5.347.894.510 | 5.347.894.510 |

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty Liên doanh Acavi Group Co.,Ltd hiện đang trong giai đoạn làm thủ tục giải thể, đến nay chưa hoàn tất.

Giao dịch với công ty liên doanh

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên doanh.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Cosevco 6 | 2.178.246.800 | (2.178.246.800) | 2.178.246.800 | (2.178.246.800) |
| Cộng | 2.178.246.800 | (2.178.246.800) | 2.178.246.800 | (2.178.246.800) |

Tập đoàn đầu tư mua 200.000 cổ phiếu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu 36.800 cổ phiếu, tổng cộng Tập đoàn sở hữu 236.800 cổ phiếu, tương đương 7% trong Công ty cổ phần Cosevco 6.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---------------|---------------|
| Số đầu năm | 7.526.141.310 | 7.526.141.310 |
| Số cuối năm | 7.526.141.310 | 7.526.141.310 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------|-----------------|
| Phải thu các bên liên quan | 444.000 | 16.759.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Gia Linh | 444.000 | 444.000 |
| Công ty TNHH Thái Hưng | - | 16.315.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 159.903.315.533 | 154.128.213.467 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vật liệu Xây | 18.134.980.096 | 13.864.864.136 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| dựng Minh Phát | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Đức | | |
| Phú | 15.926.822.218 | 19.662.460.118 |
| Công ty TNHH MTV Đại Cát Lộc | 10.866.868.705 | 11.601.269.605 |
| Công ty TNHH An Hòa Phú Mỹ | 13.526.155.800 | 707.600.000 |
| Các khách hàng khác | 101.448.488.714 | 108.292.019.608 |
| Cộng | 159.903.759.533 | 154.144.972.467 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Hậu | | |
| Giang | 35.498.819.445 | 35.498.819.445 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế | | |
| Khánh An | 11.707.392.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 4.602.945.241 | 3.796.956.006 |
| Cộng | 51.809.156.686 | 39.295.775.451 |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu | | | | |
| ngân hàng | 3.011.535.206 | - | 3.527.753.425 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 1.284.324.375 | - | 2.227.850.378 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 10.704 | - | 200.010.704 | - |
| Ông Trần Ngọc Đào – Phải thu | | | | |
| khác | 480.676.515 | (480.676.515) | 485.676.515 | (485.676.515) |
| Ông Nguyễn Thanh Phương – | | | | |
| Phải thu khác | 4.126.318.169 | (4.126.318.169) | 4.126.318.169 | (4.126.318.169) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | | | |
| khác | 5.104.774.891 | (73.876.676) | 5.342.305.661 | (73.876.676) |
| Cộng | 14.007.639.860 | (4.680.871.360) | 15.909.914.852 | (4.685.871.360) |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|----------------|---------------------------|----------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Ông Nguyễn Thanh Phương - Phải | | | | |
| thu khác | 4.126.318.169 | - | 4.126.318.169 | - |
| Phải thu khác các tổ chức và cá | | | | |
| nhân khác | 554.553.191 | - | 559.553.191 | - |
| Phải thu tiền bán hàng các tổ chức | | | | |
| và cá nhân khác | 7.968.585.597 | 803.346.000 | 7.377.085.598 | 224.357.800 |
| Cộng | 12.649.456.957 | 803.346.000 | 12.062.956.958 | 224.357.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------|----------------|
| Số đầu năm | 11.838.599.158 | 12.089.447.134 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 7.511.799 | 259.329.076 |
| Xử lý xóa nợ | - | (510.177.052) |
| Số cuối năm | 11.846.110.957 | 11.838.599.158 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------|----------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 82.390.075.957 | - | 84.736.451.835 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 189.797.104 | - | 235.037.569 | - |
| Thành phẩm | 595.715.039 | - | 1.330.616.641 | - |
| Hàng hóa | 971.715.387 | - | 579.426.895 | - |
| Cộng | 84.147.303.487 | - | 86.881.532.940 | - |

Một số nguyên vật liệu tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 53.158.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ (xem thuyết minh số V.19a).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ | 255.440.598 | 567.448.989 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 472.417.243 | 357.449.899 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 2.014.724.772 | 4.032.688.114 |
| Chi phí vận chuyển | 8.333.258.493 | 13.222.362.862 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 282.469.032 | 404.136.865 |
| Cộng | 11.358.310.138 | 18.584.086.729 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 1.591.745.854 | 1.675.233.357 |
| Chi phí san lấp mặt bằng | 4.599.916.734 | 4.659.051.315 |
| Cộng | 6.191.662.588 | 6.334.284.672 |

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 116.412.228.655 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|----------------------|----------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 38.101.686.905 | 192.043.500 | 38.293.730.405 |
| Số cuối năm | 38.101.686.905 | 192.043.500 | 38.293.730.405 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 215.988.406 | 192.043.500 | 408.031.906 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 9.382.344.634 | 192.043.500 | 9.574.388.134 |
| Khấu hao trong năm | 859.345.896 | - | 859.345.896 |
| Số cuối năm | 10.241.690.530 | 192.043.500 | 10.433.734.030 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 28.719.342.271 | - | 28.719.342.271 |
| Số cuối năm | 27.859.996.375 | - | 27.859.996.375 |
| Trong đó: | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 27.859.996.375 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|-----------------|---------------|
| Số đầu năm | 4.907.057.427 | 4.883.654.058 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (4.907.057.427) | 23.403.369 |
| Số cuối năm | - | 4.907.057.427 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|---------------|----------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.619.426.096 | 1.954.879.609 |
| Công ty TNHH Thái Hưng | 1.619.425.496 | 1.668.240.409 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Gia Linh | 600 | 286.639.200 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 9.983.104.173 | 19.552.564.988 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Nhựa Thiên Ý | 769.824.000 | 1.495.251.900 |
| Công ty TNHH Vĩnh Phước | - | 3.920.275.501 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi | - | 3.410.897.160 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Kỹ thuật Kim Hoàng | 1.565.850.000 | 1.565.850.000 |
| Công ty TNHH Khoáng sản Minh Tiến | 1.160.080.432 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 6.487.349.741 | 9.160.290.427 |
| Cộng | 11.602.530.269 | 21.507.444.597 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|---------------|---------------|
| Ông Trần Quan Hiếu | 850.000.000 | 730.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty TNHH Thăng Long 268 | 629.701.500 | 168.924.000 |
| Các khách hàng khác | 2.126.854.686 | 2.113.984.126 |
| Cộng | 4.606.556.186 | 4.012.908.126 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thông tin về biến động của thuế và các khoản phải thu Nhà nước được trình bày tại Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp trong nước.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang

Theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 6876418265 cấp lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 02 tháng 01 năm 2024 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang; Trạm trộn sản xuất bê tông tươi, bê tông đúc sẵn và dự án gạch block bê tông nhẹ không nung với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi doanh nghiệp có doanh thu hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

động từ dự án, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2023, Công ty hoàn thành và đưa vào hoạt động hệ thống dây chuyền sản xuất xi măng số 04, dự án này đáp ứng được các tiêu chí về đầu tư mở rộng theo khoản 4, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. Đồng thời, theo khoản 4, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, đối với phần đầu tư mở rộng này, Công ty được hưởng ưu đãi theo trường hợp áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm 2023 và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2024 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

| | Năm nay |
|---|---------------|
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ | 2.381.234.925 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang | 4.590.823.188 |
| Cộng | 6.972.058.113 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 7.000 VND/m³.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 12 và tháng 13 năm 2024 còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|-------------|---------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 34.032.216 | 50.844.808 |
| Chi phí tiền điện | 367.561.919 | 997.827.772 |
| Chi phí tiền thuê văn phòng | - | 27.000.000 |
| Cộng | 401.594.135 | 1.075.672.580 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Kinh phí công đoàn | 167.040.000 | 142.664.943 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | 159.813.139 |
| Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 187.000.000 | 187.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 52.250 | 42.750 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 564.026.550 | 463.991.907 |
| Cộng | 918.118.800 | 953.512.739 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | | |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ ⁽ⁱ⁾ | 6.128.970.904 | 57.142.919.375 |
| Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾ | 50.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Cộng | 56.128.970.904 | 97.142.919.375 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 97.142.919.375 | 60.147.540.346 |
| Số tiền vay phát sinh | 713.721.029.711 | 653.224.398.022 |
| Số tiền vay đã trả | (754.734.978.182) | (616.229.018.993) |
| Số cuối năm | 56.128.970.904 | 97.142.919.375 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| Vay dài hạn phải trả các bên liên quan | | |
| Vay Bà Nguyễn Thị Út Em ⁽ⁱ⁾ | 162.000.000.000 | 149.112.063.963 |
| Vay Bà Thái Vân Thanh ⁽ⁱ⁾ | - | 10.000.000.000 |
| Cộng | 162.000.000.000 | 159.112.063.963 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 60 tháng, lãi tính vào ngày 30 hàng tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------|-----------------|
| Từ 01 năm đến 05 năm | 162.000.000.000 | 159.112.063.963 |
| Cộng | 162.000.000.000 | 159.112.063.963 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|---------------------------------|------------------|
| Số đầu năm | 159.112.063.963 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 36.387.936.037 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (33.500.000.000) |
| Số cuối năm | 162.000.000.000 |

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|---------------|--------------------------------|-------------------|---------------|
| Quỹ khen thưởng | 198.292.404 | - | (5.000.000) | 193.292.404 |
| Quỹ phúc lợi | 4.245.968.047 | 490.000.000 | (3.604.081.258) | 1.131.886.789 |
| Cộng | 4.444.260.451 | 490.000.000 | (3.609.081.258) | 1.325.179.193 |

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|----------------|----------------|
| Ông Thái Minh Thuyết | 11.384.450.000 | 11.384.450.000 |
| Các cổ đông khác | 50.614.550.000 | 50.614.550.000 |
| Cộng | 61.999.000.000 | 61.999.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.199.900 | 6.199.900 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 6.199.900 | 6.199.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.199.900 | 6.199.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 4 | 4 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4 | 4 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 6.199.896 | 6.199.896 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.199.896 | 6.199.896 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ.HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với số tiền 12.399.792.000 VND.

Và trong năm, Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết 01/NQ-HĐTV ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng thành viên như sau:

| | |
|-----------------------------------|---------------|
| | VND |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 490.000.000 |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 928,40 USD (số đầu năm là 1.242,42 USD).

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | Số cuối năm (VND) | Số đầu năm (VND) | Nguyên nhân xóa sổ |
|---|----------------------|---------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Đại Thành Cà Mau | 1.589.451.692 | 1.589.451.692 | Không có khả năng thu hồi |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Thái Thịnh | 2.026.423.317 | 2.026.423.317 | Không có khả năng thu hồi |
| Các khách hàng và đối tượng khác | 3.542.394.095 | 4.052.571.147 | Không có khả năng thu hồi |
| Cộng | 7.158.269.104 | 7.668.446.156 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 3.980.947.761 | 6.601.918.205 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.005.822.803.576 | 1.071.408.591.344 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 22.708.105.364 | 34.228.127.034 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | - | 155.060.782 |
| Cộng | 1.032.511.856.701 | 1.112.393.697.365 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|----------------|----------------|
| Chiết khấu thương mại | 52.512.658.851 | 38.843.035.619 |
| Giảm giá hàng bán | - | 16.383.332 |
| Cộng | 52.512.658.851 | 38.859.418.951 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 3.079.283.760 | 4.175.083.486 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 856.269.504.505 | 931.027.896.953 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 4.385.127.891 | 7.084.099.126 |
| Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán | - | 134.262.100 |
| Cộng | 863.733.916.156 | 942.421.341.665 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 28.074.506 | 25.291.774 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.558.257.123 | 832.471.234 |
| Lãi cho vay | - | 67.046.577 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | 5.304.252.055 | 2.847.657.192 |
| Cộng | 6.890.583.684 | 3.772.466.777 |

5. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|----------------|
| Chi phí lãi vay | 12.816.134.742 | 16.529.464.727 |
| Lỗ đầu tư công ty con | 1.734.000.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư | (4.465.914.506) | - |
| Cộng | 10.084.220.236 | 16.529.464.727 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 5.260.465.144 | 4.675.827.939 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 8.502.612.330 | 9.259.916.536 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 42.389.610 | 660.973.423 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 277.919.028 | 335.649.131 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.006.862.144 | 5.347.980.847 |
| Các chi phí khác | 9.696.020.690 | 7.924.599.465 |
| Cộng | 30.786.268.946 | 28.204.947.341 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 8.287.464.916 | 8.093.313.908 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 80.673.846 | 177.837.652 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 117.681.501 | 96.869.636 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 157.094.587 | 404.775.020 |
| Thuế, phí và lệ phí | 283.678.793 | 373.176.611 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 7.511.799 | 259.329.076 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.308.321.305 | 3.205.573.370 |
| Các chi phí khác | 932.584.382 | 818.027.505 |
| Cộng | 13.175.011.129 | 13.428.902.778 |

8. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Thu nhập từ tiền bán điện | 4.213.128 | 111.928.511 |
| Thu nhập từ xử lý số dư công nợ tồn đọng lâu năm | - | 9.047.713 |
| Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ | - | 198.192.035 |
| Thu nhập khác | 154.769.649 | 132.245.395 |
| Cộng | 158.982.777 | 451.413.654 |

9. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 52.472.995 | 580.504.267 |
| Xử lý nợ phải thu không thu hồi được | - | 1.021.250.005 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu và phạt hành chính | 340.736.720 | 229.830.719 |
| Khấu hao các tài sản cố định không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | 620.292.564 | 809.231.636 |
| Chi hỗ trợ địa phương | 1.634.101.036 | - |
| Chi phí khác | 899.132.823 | 1.334.313.514 |
| Cộng | 3.546.736.138 | 3.975.130.141 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|--------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 4.907.057.427 | - |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | (23.403.369) |
| Cộng | 4.907.057.427 | (23.403.369) |

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ | 53.976.572.816 | 67.559.651.661 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 53.976.572.816 | 67.559.651.661 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 6.199.896 | 6.199.896 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 8.706 | 10.897 |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-----------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 6.199.896 | 6.199.896 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 6.199.896 | 6.199.896 |

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 697.565.694.164 | 788.885.009.956 |
| Chi phí nhân công | 74.837.753.241 | 69.751.400.372 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 50.922.042.457 | 50.728.992.924 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 177.277.110.090 | 157.040.385.263 |
| Chi phí khác | 11.013.710.638 | 14.328.546.828 |
| Cộng | 1.011.616.310.590 | 1.080.734.335.343 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Nhận tiền vay | 36.387.936.037 | 67.062.063.963 |
| Trả tiền vay | (23.500.000.000) | (86.750.000.000) |
| Lãi tiền đi vay | 10.994.269.500 | 10.638.970.257 |
| Trả cổ tức | (5.385.840.000) | (5.385.840.000) |
| Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Trả tiền vay | (10.000.000.000) | - |
| Lãi tiền đi vay | 474.444.445 | 709.774.856 |
| Trả cổ tức | (2.384.636.000) | (2.384.636.000) |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.19b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ

| Họ và tên | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|---|-------------|-------------|
| Ông Thái Minh Thuyết | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 17.447.554 | 22.202.580 |
| Ông Thái Hoàng Tước | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 442.892.192 | 332.111.204 |
| Bà Nguyễn Thị Út Em | Thành viên Hội đồng quản trị | 8.142.192 | 10.361.204 |
| Ông Trần Minh Quang | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 381.682.078 | 371.111.204 |
| Ông Thái Châu | Thành viên Hội đồng quản trị | 8.142.192 | 10.361.204 |
| Ông Nguyễn Thái Thanh Phong | Trưởng Ban Kiểm soát | 5.815.851 | 7.400.860 |
| Bà Lê Thị Bích Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 3.489.511 | 4.440.516 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Họ và tên | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|--|-------------|-------------|
| Bà Trần Thị Hoa Tranh | Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/4/2024) | - | - |
| Ông Tống Duy Can | Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/4/2024) | 3.489.511 | 4.440.516 |
| Cộng | | 871.101.081 | 762.429.288 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty Liên doanh Acavi Group Co.,Ltd | Công ty liên doanh |
| Công ty TNHH Thái Hưng | Công ty có người đại diện theo pháp luật có quan hệ mật thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Gia Linh | Công ty có Giám đốc có quan hệ mật thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Gia Thái | Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên quản lý chủ chốt Công ty |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Thái Hưng | | |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa | 27.754.051.508 | 26.603.344.557 |
| Trả cổ tức | (3.319.852.000) | (3.319.852.000) |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vận tải Gia Linh | | |
| Phí vận chuyển | 2.186.197.597 | 1.737.960.431 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.13a.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là kinh doanh thành phẩm xi măng, dịch vụ gia công xi măng các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán vật tư, hơi kỹ nghệ, kinh doanh bất động sản... doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu (trong năm 2024 là khoảng 0,39 % tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

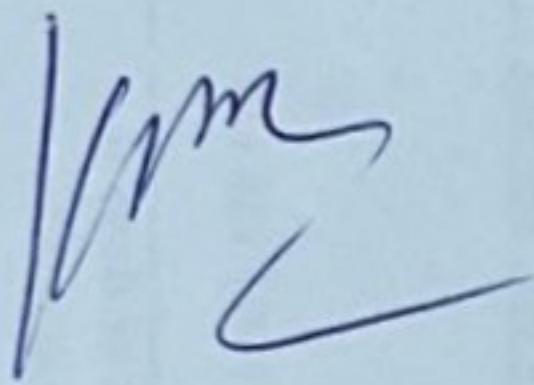
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập



Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Đơn vị tính: VND | | | | |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 137.047.043.338 | 283.276.322.072 | 130.757.156.710 | 1.021.428.513 | 552.101.950.633 |
| Mua trong năm | 960.000.000 | 3.164.879.091 | 18.587.140.189 | - | 22.712.019.280 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 828.738.009 | 1.458.587.975 | - | - | 2.287.325.984 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.675.329.207) | (11.028.993.298) | (1.342.824.917) | - | (14.047.147.422) |
| Số cuối năm | 137.160.452.140 | 276.870.795.840 | 148.001.471.982 | 1.021.428.513 | 563.054.148.475 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.904.700.206 | 35.503.748.372 | 21.572.728.094 | 1.021.428.513 | 62.002.605.185 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 60.222.988.590 | 128.800.494.669 | 80.313.921.507 | 1.021.428.513 | 270.358.833.279 |
| Khấu hao trong năm | 13.802.725.098 | 23.304.602.102 | 12.955.369.361 | - | 50.062.696.561 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.675.329.207) | (9.933.668.815) | (1.155.371.963) | - | (12.764.369.985) |
| Số cuối năm | 72.350.384.481 | 142.171.427.956 | 92.113.918.905 | 1.021.428.513 | 307.657.159.855 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 76.824.054.748 | 154.475.827.403 | 50.443.235.203 | - | 281.743.117.354 |
| Số cuối năm | 64.810.067.659 | 134.699.367.884 | 55.887.553.077 | - | 255.396.988.620 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập



Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

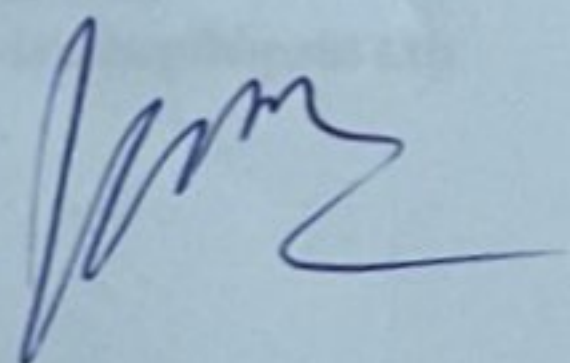
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Kết chuyển sang chi phí trả trước | Số cuối năm |
|--|----------------|-----------------------------------|--|---|----------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 7.124.686.944 | - | - | - | 7.124.686.944 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 10.228.815.972 | 2.302.553.527 | (2.287.325.984) | (879.549.887) | 9.364.493.628 |
| - Công trình hệ thống dây chuyền 750.000 tấn/năm | 8.908.445.109 | - | - | - | 8.908.445.109 |
| - Công trình sửa chữa Văn phòng Công ty | 116.667.018 | - | - | (116.667.018) | - |
| - Công trình xây dựng trạm trộn bê tông | - | 1.230.967.968 | (1.230.967.968) | - | - |
| - Công trình Silo tro bay bê tông | - | 227.620.007 | (227.620.007) | - | - |
| - Công trình tường rào kho 2 | - | 66.373.211 | - | - | 66.373.211 |
| - Công trình tàu chở bồn xi măng | - | 185.185.185 | - | - | 185.185.185 |
| - Công trình si lô tro xi trạm bê tông | - | 204.490.123 | - | - | 204.490.123 |
| - Công trình xây dựng cầu K8 | 390.902.331 | 371.980.538 | - | (762.882.869) | - |
| - Công trình xây dựng hàng rào DC4 | 812.801.514 | 15.936.495 | (828.738.009) | - | - |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 704.285.370 | - | (704.285.370) | - |
| Cộng | 17.353.502.916 | 3.006.838.897 | (2.287.325.984) | (1.583.835.257) | 16.489.180.572 |



Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025


Tô Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | | Phát sinh trong năm | | | Số cuối năm | |
|--|---------------|------------|---------------------|------------------|------------|---------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Tăng khác | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.932.247.313 | - | 13.259.499.782 | (12.772.689.833) | - | 2.419.057.262 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 959.883.873 | 54.139.796 | 6.972.058.113 | (6.416.898.559) | 54.139.796 | 1.515.043.427 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 9.937.543 | - | 1.411.414.238 | (1.301.585.826) | - | 119.765.955 | - |
| Thuế tài nguyên | 112.500 | - | 4.020.800 | (3.691.500) | - | 441.800 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 8.336.076 | (8.336.076) | - | - | - |
| Tiền thuê đất | - | - | 259.992.717 | (259.992.717) | - | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 308.399.355 | (308.399.355) | - | - | - |
| Cộng | 2.902.181.229 | 54.139.796 | 22.223.721.081 | (21.071.593.866) | 54.139.796 | 4.054.308.444 | - |

Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

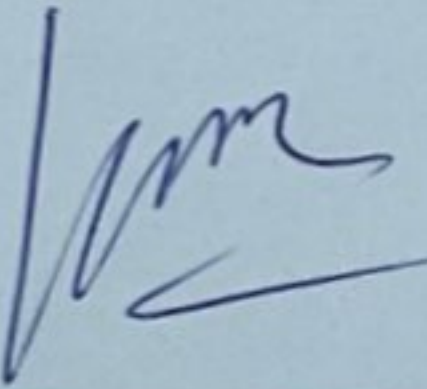
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------|--------------------------|---|---------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 61.999.000.000 | 33.450.000.000 | 571.183.239 | (40.000) | 15.986.406.141 | 306.508.337.399 | 4.467.748.484 | 422.982.635.263 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 67.559.651.661 | (959.250.053) | 66.600.401.608 |
| Thoái vốn tại công ty con trong năm trước | - | - | - | - | (4.769.746.869) | 3.895.517.477 | (2.101.603.600) | (2.975.832.992) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | (12.399.792.000) | (895.533.000) | (13.295.325.000) |
| Số dư cuối năm trước | 61.999.000.000 | 33.450.000.000 | 571.183.239 | (40.000) | 11.216.659.272 | 365.563.714.537 | 511.361.831 | 473.311.878.879 |
| Số dư đầu năm nay | 61.999.000.000 | 33.450.000.000 | 571.183.239 | (40.000) | 11.216.659.272 | 365.563.714.537 | 511.361.831 | 473.311.878.879 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | 53.976.572.816 | (133.076.650) | 53.843.496.166 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | - | - | - | (490.000.000) | - | (490.000.000) |
| Thoái vốn tại công ty con trong năm nay | - | - | - | - | - | (2.825.770.048) | (378.285.181) | (3.204.055.229) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | (12.399.792.000) | - | (12.399.792.000) |
| Số dư cuối năm nay | 61.999.000.000 | 33.450.000.000 | 571.183.239 | (40.000) | 11.216.659.272 | 403.824.725.305 | - | 511.061.527.816 |



Tạ Thanh Kim
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Thái Minh Thuyết
Chủ tịch Hội đồng quản trị

